

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS THCS LÊ LỢI
TỔ: TỰ NHIÊN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC : TOÁN

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 15 . ; Số học sinh: ;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 5; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 5; Trên đại học: 0.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên 1: Tốt: 5; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

Lớp 6:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính cầm tay	1 cái/HS	Sử dụng máy tính cầm tay	
2	Thước thẳng, thước dây,	Mỗi loại thiết	Tắm thiệp và phòng học của em	

1 Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	compa, máy tính cầm tay, tờ bìa A4, giấy màu các loại, kéo, hồ dán, bút chì, bút màu hoặc sáp màu	bì (1 cái)/ 1 nhóm HS (6-8 em)		
3	Máy vi tính cài sẵn phần mềm GEOGEBRA	1 máy/2HS	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
4	Thước thẳng, giấy A4, bút chì, bút màu, máy tính cầm tay	Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1 HS	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	
5	Máy tính, máy in, mạng Internet, giấy, bút, thước kẻ, danh sách học sinh toàn trường	Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1 nhóm HS (6-8 em)	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	

Lớp 7 :

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ thước (eke, thước đo góc, thước thẳng)	1	Dùng thước xuyên cho các bài hình học	
2	Máy tính bỏ túi Casio	1	Dùng thước xuyên cho các bài Số và Đại số	
3	Phòng máy	1	HĐTN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	
4	Thước thẳng	1	Dùng thước xuyên cho các bài học	
5	Bảng phụ	6	Dùng thước xuyên cho các bài học	
6	Tivi	1	Dùng thước xuyên cho các bài học	
7	Kéo, giấy màu, bìa cứng, keo dán hoặc băng dính	1	HĐTN: Vòng quay may mắn. Hộp quà và chân đế lịch.	

Lớp 8 :

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Phòng học	01	Tâm thiếp và phòng học của em	
3	Sân chơi	01	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	

Lớp 7 :

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Phòng học	01	Tâm thiếp và phòng học của em	
3	Sân chơi	01	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	

Lớp 8 :

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng
1	Phòng Tin học	01	Thực hành phần mềm GEOGEBRA Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel
2	Lớp học	01	Công thức tính lãi kép Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính
3	Sân trường	01	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách

2. Kế hoạch dạy học**2.1. Phân phối chương trình****Lớp 6 :**

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HK1: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.(20 tiết hình học)

HK2: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết(16 tiết hình học)

HỌC KÌ 1

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
Số học	1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên <i>Bài 1. Tập hợp</i>	1	Tuần 1	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phần màu.	Lớp học
Số	2	<i>Bài 2. Cách ghi số tự nhiên</i>	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ,	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
học					phấn màu.	
Số học	3	<i>Bài 3.</i> Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	1	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn <i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	4	<i>Bài 4.</i> Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	1	Tuần 2	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	5-6	<i>Bài 5.</i> Phép nhân và phép chia số tự nhiên	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	2	<i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	7	Luyện tập chung	1	Tuần 3	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	8-9	<i>Bài 6.</i> Lũy thừa với số mũ tự nhiên	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	3	<i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 3)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	10	<i>Bài 7.</i> Thứ tự thực hiện các phép tính	1	Tuần 4	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số	11-12	Luyện tập chung và ôn tập chương I			SGK, Thước thẳng, bảng phụ,	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
học			2	Tuần 5	phấn màu.	
Hình	4	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 1)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	13-14	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	15	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	5	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 2)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	16	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 2)	2	Tuần 6	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	17-18	Bài 10. Số nguyên tố	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	6	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 3)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	19	Luyện tập chung	1	Tuần 7	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	20-21	Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ,	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
					phấn màu.	
Hình	7	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 1)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	22-23	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	2	Tuần 8	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	24	Luyện tập chung	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	8	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 2)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	25	Ôn tập chương II(ôn tập KTGK I)	1	Tuần 9	Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, MTBT, ...	Lớp học
Số học	26-27	Kiểm tra giữa HK1	2		Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, giấy thi, MTBT, ...	Phòng thi
Hình	9	Luyện tập chung (Tiết 1 - ôn tập KTGK I)	2		Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, MTBT, ...	Lớp học
Số học	28-29	Chương III. Số nguyên Bài 13. Tập hợp các số nguyên	2	Tuần 10	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	30	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 1)	3.		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Hình	10	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 3)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	31-32	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên	3	Tuần 11	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
		(Tiết 2,3)				
Số học	33	Bài 15. Qui tắc dấu ngoặc	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	11	Luyện tập chung (tiết 2)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	34-35	Luyện tập chung	2	Tuần 12	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	36	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	12	Ôn tập chương IV	1		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	37	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 2)	2	Tuần 13	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	38	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên			SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	39	Luyện tập chung (Tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	13	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 1)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	40	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	Tuần 14	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	41	Ôn tập chương III	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
TH-TN	42	Sử dụng máy tính cầm tay	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, MTBT 570,580 VN.Plus.	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
Hình	14	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
TH-TN	43-44	Tấm thiệp và phòng học của em	2	Tuần 15	SGK, Thước thẳng, Giấy bìa A ₀ , bút màu.	Phòng học bộ môn
Hình	15-16	Bài 22. Hình có tâm đối xứng	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	45-46	Chương VI. Phân số Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau	2	Tuần 16	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	17-18	Luyện tập chung	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Hình	19-20	Ôn tập chương V	2	Tuần 17	SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	47-48	Ôn tập cuối HKI	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
	49-50	Kiểm tra cuối HK1	2	Tuần 18	Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, giấy thi, MTBT, ...	Phòng thi
TH-TN	51-52	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2		Phòng máy, MT cài phần mềm GEOGEBRA	Phòng tin học
			HK2: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết			
Số học	53-54	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương	2	Tuần 19	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số	55	Luyện tập chung (Tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ,	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
học					phấn màu.	
Hình	21	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản <i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)</i>	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	56-57	Luyện tập chung (Tiết 2-3)	2	Tuần 20	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	58	<i>Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 1)</i>	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	22	<i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)</i>	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	59	<i>Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 2)</i>	2	Tuần 21	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	60-61	<i>Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số</i>	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	23	<i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)</i>	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	62	<i>Bài 27. Hai bài toán về phân số</i>	1	Tuần 22	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	63-64	Luyện tập chung	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	24	<i>Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 1)</i>	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	65	Ôn tập chương VI	1	Tuần 23	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
Số học	66	Chương VII. Số thập phân <i>Bài 28. Số thập phân</i>	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	67	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 1)</i>	4		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	25	<i>Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 2)</i>	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	68-69-70	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 2;3; 4)</i>	4	Tuần 24	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	26	<i>Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)</i>	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	71	<i>Bài 30. Làm tròn và ước lượng</i>	1	Tuần 25	SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	72-73	<i>Bài 31. Một số bài toán về tỉ số phần trăm</i>	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Hình	27	<i>Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)</i>	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	74	Ôn tập chương VII .	1	Tuần 26	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Số học	75-76	Luyện tập chung (tiết 1,2).)(ôn tập GHK 2)	2		Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, ...	Lớp học
Hình	28	Luyện tập chung (Tiết 1))(ôn tập GHK 2)	2		Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, MTBT, ...	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
Hình	29	Luyện tập chung (Tiết 2)(ôn tập GHK 2)	2	Tuần 27	Ôn các dạng bài tập, học kỹ lý thuyết, thước kẻ, ...	Lớp học
Hình	30	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	1		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
Số học	77-78	Kiểm tra giữa HK2	2		Ôn các dạng bài tập, học kỹ lý thuyết, thước kẻ, giấy thi, MTBT, ...	Phòng thi
TK-XS	79-80	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu	2	Tuần 28	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
TK-XS	81	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, đồng xu, ...	Lớp học
Hình	31	Bài 36. Góc (Tiết 1)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
TK-XS	82	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)	2	Tuần 29	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, đồng xu, ...	Lớp học
TK-XS	83-84	Bài 40. Biểu đồ cột (tiết 1;2)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
Hình	32	Bài 36. Góc (Tiết 2)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, compa, bảng phụ	Lớp học
TK-XS	85-86	Bài 41. Biểu đồ cột kép	2	Tuần 30	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.	Lớp học
TK-XS	87	Luyện tập chung(tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, bút màu, ...	Lớp học
Hình	33	Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke,	Lớp học

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
					thước đo góc, compa, bảng phụ	
TK-XS	88	Luyện tập chung(tiết 2)	2	Tuần 31	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, bút màu, ...	Lớp học
TK-XS	89-90	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm(tiết 1;2)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, bút màu, ...	Lớp học
Hình	34	Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)	2		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, thước đo góc, compa, bảng phụ	Lớp học
TK-XS	91	Bài 43. Xác suất thực nghiệm	1	Tuần 32		
TK-XS	92	Luyện tập chung	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, xúc xắc, bóng tròn hai màu xanh đỏ, tám bìa hình tròn (hình 9.26-sgk)	Phòng thí nghiệm
TK-XS	93	Ôn tập chương IX (tiết 1)	2		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, xúc xắc, tám bìa hình tròn (hình 9.29-sgk)	Lớp học
Hình	35	Luyện tập chung	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, xúc xắc, bóng tròn hai màu xanh đỏ, ...	Lớp học
TK-XS	94	Ôn tập chương IX (tiết 2)	2	Tuần 33	SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, xúc xắc, tám bìa hình tròn (hình 9.29-sgk)	Lớp học
TH-TN	95	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	1		SGK, Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, xúc xắc, ...	Lớp học
TH-TN	96	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè(tiết 1)	2		Giấy, bút, thước kẻ, máy tính, máy in, mạng internet, phiếu tập	Phòng đa năng, bãi tập

Phân môn	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
					khảo sát, ...	
Hình	36	Ôn tập chương VIII	1		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, thước đo góc, compa, bảng phụ, MTBT, ...	Lớp học
TH-TN	97	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè(tiết 2)	2	Tuần 34	Giấy, bút, thước kẻ, máy tính, máy in, mạng internet, phiếu khảo sát, ...	Phòng đa năng, bãi tập
TH-TN	98-99	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2		Phòng máy, MT cài phần mềm GEOGEBRA	Phòng tin học
Sô học	100	Ôn tập cuối HK2(tiết 1)	3		SGK. Thước thẳng, thước ê ke, thước đo góc, compa, bảng phụ, MTBT, ...	Lớp học
Sô học	101-102	Ôn tập cuối HK2(tiết 2;3)	3	Tuần 35	SGK. Thước thẳng, thước ê ke, thước đo góc, compa, bảng phụ, MTBT, ...	Lớp học
	103-104	Kiểm tra cuối HK2	2		Ôn các dạng bài tập, học kĩ lý thuyết, thước kẻ, giấy thi, MTBT, ...	Phòng thi

Lớp 7 :

Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HK1: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.(20 tiết hình học)

HK2: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết(16 tiết hình học)

1. Phân môn số và đại số

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ 1			
CHƯƠNG I: SỐ HỮU TỈ			
1,2	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	2	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.- Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.- So sánh hai số hữu tỉ.
3,4	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	2	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q.- Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhanh, tính nhanh một cách hợp lý.
5,6	Luyện tập chung	2	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý.
7,8	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ	2	<ul style="list-style-type: none">- Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.- Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.
9,10	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế	2	<ul style="list-style-type: none">- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính.- Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.- Mô tả được quy tắc chuyển vế.- Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).
11,12	Luyện tập chung	2	Củng cố các kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép

			tình và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ.
13	Bài tập cuối chương 1	1	+ Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
CHƯƠNG II: SỐ THỰC			
14,15	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	2	Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước
16,17	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	2	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.
18	Ôn tập giữa kỳ 1	1	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
19,20	Kiểm tra giữa kỳ 1	2	Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học từ đầu HKI đến nay (cả đại số và hình học)
21,22	Bài 7. Tập hợp các số thực	2	Nhận biết số thực, Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.
23,24,25	Luyện tập chung	3	Củng cố các kiến thức về số thực và các phép toán trên tập hợp số thực.
26	Bài tập cuối chương II	1	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
27,28	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	2	Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.
29,30,31	Bài 18. Biểu đồ quạt tròn	3	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn
32,33,34	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng	3	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng
35,36	Luyện tập chung	2	Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan.
37	Bài tập cuối chương V	1	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các

			bài tập và các vấn đề thực tiễn
38,39	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	2	Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam
40	Ôn tập cuối kỳ 1	1	- H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì. - Biết vận dụng làm các BT áp dụng. - Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng kiến thức vào bài tập
41	Kiểm tra cuối kỳ 1	1	Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học ở HKI
HỌC KỲ 2			
CHƯƠNG VI: TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ			
42,43	Tỉ lệ thức	2	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán
44	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	1	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán
45,46	Luyện tập chung	2	- Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức - Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan.
47,48	Đại lượng tỉ lệ thuận	2	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận
49,50	Đại lượng tỉ lệ nghịch	2	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch
51,52	Luyện tập chung	2	Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.
53	Bài tập cuối chương VI	1	Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.
CHƯƠNG VII: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN			
54	Biểu thức đại số	1	Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số.
55	Bài 25. Đa thức một biến	2	Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức. Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức
56	Ôn tập giữa kỳ 2	1	Rèn luyện cho HS các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.

57	Kiểm tra giữa học kỳ 2	1	Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh
58	Bài 25. Đa thức một biến (tt)	2	Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức. Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức
59,60	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	2	Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.
61,62	Luyện tập chung	2	- Vận dụng tính giá trị của biểu thức - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.
63,64	Phép nhân đa thức một biến	2	- Thực hiện phép nhân hai đa thức cùng biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
65,66,67	Phép chia đa thức một biến	3	- Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
68,69	Luyện tập chung	2	- Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán
70	Bài tập cuối chương VII	1	- Vận dụng tính giá trị của biểu thức - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán
71,72	Làm quen với biến cố	2	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản
73,74	Làm quen với xác suất của biến cố.	2	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản
75	Luyện tập chung	1	Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan.
76	Bài tập cuối chương VIII	1	Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan.

77	Vòng quay may mắn	1	- Làm quen với các biến cố và nhận ra được các biến cố có xảy ra không - Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít.
78,79	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	2	- Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng - Thực hành tính toán việc tăng giảm theo giá trị phần trăm, tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với quy tắc trong tài chính.
80	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	1	- Vận dụng các tính chất của đẳng thức, tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết. - Vận dụng tính giá trị của biểu thức - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán
81	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKII và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống

2. Phân môn hình học:

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
CHƯƠNG III: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG			
1,2	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	2	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập
3,4	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	2	- Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng. - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.
5,6	Luyện tập chung	2	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị. - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết.
7,8	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song	2	- Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song. - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song - Biết cách vẽ hai đường thẳng song song
9	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	1	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu.

			- Làm quen với chứng minh định lý
10	Luyện tập chung	1	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí.
11	Ôn tập cuối chương 3	1	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
CHƯƠNG IV: TAM GIÁC BẰNG NHAU			
12	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	1	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
13,14	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất	2	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh
15	Luyện tập chung	1	- Củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
16,17	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	2	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản
18,19	Luyện tập chung	2	- Củng cố các kiến thức về trường hợp bằng nhau của tam giác - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
20	Ôn tập giữa kỳ 1	1	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
21,22	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	2	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
23,24	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng	2	Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
25,26	Luyện tập chung	2	Vận dụng kiến thức để giải các bài tập
27	Bài tập cuối chương IV	1	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
28,29	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra	2	- Sử dụng phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học. - Thực hành sử dụng phần mềm để vẽ hình và thiết kế đồ họa liên quan đến các khái niệm: tia phân giác của một góc, đường trung trực của một đoạn thẳng, các

			đường đặc biệt trong tam giác.
30	Ôn tập cuối kỳ 1	1	- H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì. - Biết vận dụng làm các BT áp dụng. - Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập
31	Kiểm tra cuối kỳ 1	1	Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học ở HKI
HỌC KÌ II			
CHƯƠNG IX: QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT TAM GIÁC			
32,33	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.	2	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.
34	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	1	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
35	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	1	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác
36,37	Luyện tập chung	2	- Củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
38	Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác.	1	- Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
39	Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác.	1	- Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
40	Sự đồng quy của 3 đường trung trực trong 1 tam giác	1	- Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
41	Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác	1	- Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
42,43	Luyện tập chung	2	Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.
44	Ôn tập cuối chương IX.	1	Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.
45	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập	3	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình

	phương		lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
46,47	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	3	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
48	Ôn tập giữa kỳ 2	1	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
49	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học từ đầu HKII đến nay (cả đại số và hình học)
50	Luyện tập	1	Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
51,52,53	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác	3	Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
54	Luyện tập	1	Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
55	Bài tập cuối chương X	1	- Củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương - Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
56,57	Hộp quà và chân đế lịch.	2	Vận dụng các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như nghệ thuật, thủ công,...
58	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	1	- H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì. - Biết vận dụng làm các BT áp dụng. - Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập.
59	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKII và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống

Lớp 8 :**Phân bố các tiết dạy: Số tiết 140 tiết (35 tuần, mỗi tuần 4 tiết)**

	Đại số Thống kê và xác suất	Hình	Tổng
Học kì I	41	31	72
Học kì II	42	26	68

- 1. Phân phối chương trình:
ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT THỐNG KÊ**
- 2. Phân phối chương trình:
ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT THỐNG KÊ**

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt.
1	Bài 1. Đơn thức	2	1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơn thức - Thu gọn đơn thức. - Nhận biết đơn thức đồng dạng. - Cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng
2	Bài 2. Đa thức	2	3.4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức. - Thu gọn đa thức. - Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến
3	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	1	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách cộng, trừ hai đa thức - Thực hiện các phép tính cộng, trừ đa thức
4	Luyện tập chung	2	6,7	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
5	Bài 4. Phép nhân đa thức	2	8,9	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức.

				- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức
6	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức	1	10	- Nắm được cách chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết), chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết) - Thực hiện được các phép tính trên đa thức.
7	Luyện tập chung	2	11.12	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 5. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
8	Bài tập cuối chương I	1	13	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
9	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu	2	14.15	- Nhận biết hằng đẳng thức. - Mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu. - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức
10	Ôn tập giữa HK1	1	16	-Hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 5
11	Kiểm tra giữa HK1	1	17	Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
12	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu	2	18,19	- Mô tả các hằng đẳng thức: lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức
13	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương	2	22,21	- Mô tả các hằng đẳng thức: tổng, hiệu hai lập phương. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích.
14	Luyện tập chung	2	22,23	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 6 đến bài 8. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
15	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử	2	24.25	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử. - Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức - Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức
16	Luyện tập chung		26,27	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

17	Bài tập cuối chương II	1	28	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
18	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	1	29	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện và lí giải việc thu thập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục
19	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ	2	30,31	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước.
20	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ	2	32,33	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu. - Nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn. - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8.
21	Luyện tập chung	2	34,35	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
22	Bài tập cuối chương V	1	36.	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
23	Ôn tập cuối HK1	1	37.	-Hệ thống kiến thức đã học
24	Kiểm tra cuối HK1	1	38	<ul style="list-style-type: none"> - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
25	Bài 21. Phân thức đại số	1	39	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phân thức đại số, tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thoả mãn điều kiện xác định. - Nhận biết hai phân thức bằng nhau
26	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số	3	40,41,42	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số. - Rút gọn phân thức đại số. - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi
27	Luyện tập chung	2	43,44	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
28	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số	3	45,46,47	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy

				tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán.
29	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số	2	48,49	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số. - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán
30	Luyện tập chung	1	50,51	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
31	Bài tập cuối chương VI	1	52	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
32	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	2	53,54	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất
33	Ôn tập giữa HK2	1	55	-Hệ thống kiến thức
34	Kiểm tra giữa HK2	1	56	-Kiểm tra kiến thức đã học
35	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	1	57,58	Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất
36	Luyện tập chung	2	59,60	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
37	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	2	61,62	- Nhận biết những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. - Tính giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó. - Nhận biết đồ thị hàm số
38	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	2	63,64	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất. - Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn
39	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	2	65,66	- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$). - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước
40	Luyện tập chung	2	67	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
41	Bài tập cuối chương VII	1	68	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

42	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	1	69	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm
43	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	2	70,71	Tính xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng
44	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng	3	72,73,74	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ có tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm. - Ứng dụng trong một số bài toán đơn giản
45	Luyện tập chung	1	75	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
46	Bài tập cuối chương VIII	1	76	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
47	Ôn tập cuối HK2	1	77	-Hệ thống kiến thức đã học
48	Kiểm tra cuối HK2	1	78	- Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.

HÌNH HỌC- HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt.
1	Bài 10. Tứ giác	1	1	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi. - Giải thích định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi
2	Bài 11. Hình thang cân	2	2.3	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng. - Giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.
3	Luyện tập chung	1	4	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
4	Bài 12. Hình bình hành	3	5.6,7	- Mô tả khái niệm hình bình hành. - Giải thích các tính chất của hình bình hành.

				- Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành
5	Luyện tập chung	2	8,9	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
6	Bài 13. Hình chữ nhật	1	10	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật. - Giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật
7	Bài 14. Hình thoi và hình vuông	2	11,12	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông. - Giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông
8	Luyện tập chung	2	13,14	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 14 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
9	Bài tập cuối chương III (Ôn tập giữa HKI)	1	15	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn - Hệ thống kiến thức
10	Kiểm tra giữa HKI	1	17	Qua kiểm tra Kiến thức, đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
11	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác	3	18.19.20	- Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès
12	Bài 16. Đường trung bình của tam giác	1	21	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác
13	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	1	22	- Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng
14	Luyện tập chung	2	23,24	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
15	Bài tập cuối chương IV	1	25	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

16	Hoạt động thực hành trải nghiệm	6	26,27,28,29,30,31	- Công thức tính lãi kép - Phân tích đặc điểm khí hậu - thực hiện tính toán với phần mềm GeoGebra
17	Ôn tập HKI	2	32,33	- Hệ thống kiến thức đã học
18	Kiểm tra HKI	1	34	- Qua kiểm tra Kiến thức, đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
19	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	2	35,36	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng. - Giải thích định lý về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác.
20	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác	3	37,38,39	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trên ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác. - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn
21	Luyện tập chung	2	30,41	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
22	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng	2	42,43	- Giải thích định lý Pythagore. - Tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Pythagore
23	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông	2	44,45	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng.
24	Bài 37. Hình đồng dạng	1	46	- Nhận biết hai hình đồng dạng. - Nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh. - Nhận biết được vẽ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... biểu hiện qua hình đồng dạng.
25	Luyện tập chung	2	47,48	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
26	Bài tập cuối chương IX	1	49	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.

	(Ôn tập giữa HKII)			- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn -Hệ thống kiến thức đã học
27	Kiểm tra giữa HKII	1	50	- Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
	Hoạt động trải nghiệm	1	51	-Đo gián tiếp chiều cao của vật: - Đo khoảng cách giữa hai địa điểm trong đó có một địa điểm không thể tới được:
28	Bài 38. Hình chóp tam giác đều	2	52,53	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều. - Tạo lập hình chóp tam giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều
29	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều	2	54,55	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều. - Tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.
30	Luyện tập chung	1	56	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
31	Bài tập cuối chương VIII	1	57	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
32	Hoạt động trải nghiệm	3	58,59,60	- Chủ đề: Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính - Chủ đề:Thực hành tính toán phân thứcđại số và vẽ đồ thị hàm số bằng phần mềm Geogebra -Chủ đề: Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel
33	Ôn tập HKII	1	61	-Hệ thống kiến thức đã học
34	Kiểm tra HKII	1	62	- Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao

				tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
--	--	--	--	--

LỚP 9

PHÒNG GDĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS LÊ LỢI TỔ:TỰ NHIÊN I	KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: TOÁN KHỐI: 9
--	--

Thông tin:

II. Kế hoạch cụ thể:

Cả năm 140 tiết	Đại số 70 tiết	Hình học 70 tiết
Học kỳ I: 18 tuần, 72 tiết	39 tiết Tuần 1→ tuần 2 : 2x3 = 6 tiết Tuần 3→ tuần 4 : 2 x 1 = 2 tiết Tuần 5→ tuần 14 : 10x2 = 20 tiết Tuần 15→ tuần 17 : 3x3 = 9 tiết Tuần 18: = 2 tiết	33 tiết Tuần 1→ tuần 2 : 2x1 = 2 tiết Tuần 3→ tuần 4 : 2x3 = 6 tiết Tuần 5→ tuần 14 : 10x2 = 20 tiết Tuần 15→ tuần 17 : 3x1 = 3 tiết Tuần 18: = 2 tiết

Học kỳ II: 17 tuần, 68 tiết	31 tiết Tuần 19→ tuần 31 : 13x2 = 26 tiết Tuần 32→ tuần 34 : 3x1 = 3 tiết Tuần 35 : = 2 tiết	37 tiết Tuần 19→ tuần 31 : 13x2 = 26 tiết Tuần 32→ tuần 34 : 3x3 = 9 tiết Tuần 35 : = 2 tiết
--------------------------------	--	--

Tuần n (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp (7)			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện
PHẦN ĐẠI SỐ						
HỌC KÌ I						
CHƯƠNG I: CĂN BẬC HAI – CĂN BẬC BA						
	1	<i>Bài 1: Căn bậc hai</i>	1.Căn bậc hai số học 2.So sánh các căn bậc hai số học 3. Áp dụng giải các BT từ 1 đến 5	- Hiểu được định nghĩa, ký hiệu về căn bậc hai số học của một số không âm. Phân biệt được căn bậc hai dương và căn bậc hai âm của cùng một số d - Tính được căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác, rèn kỹ năng tính toán. - Liên hệ của phép khai phương với quan hệ thứ tự	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	

1				dùng để so sánh các số $a < b \Leftrightarrow \sqrt{a} < \sqrt{b}$		
	2	Bài 2: Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $	1. Căn thức bậc hai 2. Hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $ 3. Áp dụng : giải các bài tập từ 6 đến 10	<p>- Biết cách tìm tập xác định (điều kiện có nghĩa) của \sqrt{A} . Hiểu và vận dụng được hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ khi tính căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác. Phân biệt căn thức và biểu thức dưới dấu căn.</p> <p>- Tính được căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác.</p> <p>Tính “căn bậc hai số học “ và tìm căn bậc hai của một số không âm ;Giải p/ trình.</p> <p>-Rèn luyện kỹ năng vận dụng HĐT $\sqrt{A^2} = A$</p>		
	3	Luyện tập	1. Tìm điều kiện xác định của biểu thức dưới dấu căn bậc 2 (BT 12 ,13,) 2. . Cách đưa một	<p>- Biết cách tìm tập xác định (điều kiện có nghĩa) của \sqrt{A} . Hiểu và vận dụng được hằng đẳng thức</p>	Trên lớp	

			<p>biểu thức bình phương hoặc đưa về bình phương ra ngoài dấu căn bậc hai(BT, 14,15)</p> <p>3. Một số BT dạng BT 10b</p>	<p>$\sqrt{A^2} = A$ khi tính căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác.</p> <p>- Vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ để rút gọn biểu thức. HS được luyện tập về phép khai phương để tính giá trị của biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình.</p> <p>- củng cố cho học sinh tìm điều kiện của x để căn thức có nghĩa, biết áp dụng hằng đẳng thức để rút gọn biểu thức; So sánh hai căn thức, tìm căn bậc hai</p>		
	4	Bài 3: Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	<p>1. Định lý : Với hai số a,b không âm ta có $\sqrt{ab} = \sqrt{a}\sqrt{b}$</p> <p>2a. Quy tắc khai phương một tích</p> <p>2b. Quy tắc nhân các căn thức bậc hai</p>	<p>- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$. Biết hai quy tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai.</p> <p>- Có kỹ năng dùng các quy tắc, khai phương một tích, nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.</p>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nghiên cứu bài học	

2				* Thái độ: Cẩn thận, chính xác, tích cực trong học tập.		
	5	<i>Luyện tập</i>	1. Khai phương biểu thức chứa số 2. Khai phương biểu thức chứa biến 3. Áp dụng giải BT 17 đến BT 21	- Vận dụng các quy tắc khai phương một tích và nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức. - mRèn luyện tư duy, tính nhẩm, tính nhanh vận dụng làm các bài tập chứng minh, rút gọn, tìm x, so sánh ha	Trên lớp	
	6	Bài 4: <i>Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.</i>	1. Định lí : với số a không âm và số b dương ta có: $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$ 2a. Quy tắc khai phương một thương 2b. Quy tắc chia hai căn bậc hai	- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$. Biế t hai quy tắc khai phương một thương và chia hai căn bậc hai. - Có kỹ năng dùng các quy tắc khai phương một thương và quy tắc chia các căn thức bậc hai trong tính toán và	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	

					biến đổi biểu thức.		
3	7	Luyện tập		1.khai phương biểu thức chứa số(BT 23,23,32, 2. Khai phương biểu thức chứa biến(BT 24,25,33,34,35 3. Chứng minh BDT (BT 26,31)	Vận dụng các quy tắc khai phương một thương và chia hai căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	Trên lớp	
4	8	Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai.	Bài 6:	1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn	- HS biết được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài dấu căn và đưa thừa số vào trong dấu căn, Khử mẫu của biểu thức lấy căn. Trục căn thức ở mẫu - HS biết đưa thừa số vào trong hay ra ngoài dấu căn. Biết vận dụng phối hợp các phép biến đổi trên để so sánh hai số và rút gọn biểu thức.	Trên lớp	Lưu ý: §6 và §7 và Luyện tập ghép thành 1 bài
5	9		Bài 7:	3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu			
	10		Luyện tập	1.Biến đổi biểu thức ở mẫu chứa các số (BT 43 đến 45,BT 2. Biến đổi biểu	- HS được củng cố các kiến thức về đưa thừa số ra ngoài (vào trong) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy		

				thức ở mẫu chứa biến (BT 46,47)	căn và trục căn thức ở mẫu		
6	11		Luyện tập+ Kiểm tra 15 phút	<p>1. Biến đổi biểu thức ở mẫu chứa biến (BT 54, 55)</p> <p>2. Phát đề bài kiểm tra</p>	- Có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên. Rèn kỹ năng làm bài kiểm tra.		
	12	. Bài 8: Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai.		<p>1. Tính giá trị của một biểu thức chứa căn</p> <p>2. Chứng minh hai vế bằng nhau của các biểu thức chứa căn</p> <p>3. Vận dụng một số công thức làm mất căn thức ở mẫu</p>	- HS thực hiện được các phép tính và các phép biến đổi về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn. HS biết biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài toán liên quan.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
7	13	Luyện tập		<p>1. Tính giá trị của một biểu thức chứa căn</p> <p>2. Chứng minh hai vế bằng nhau của các biểu thức chứa</p>	<p>- Biết rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai trong một số trường hợp đơn giản. Chứng minh được đẳng thức</p> <p>- Biết biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải</p>	Trên lớp <i>Lưu ý: Nhiều đề bài có độ khó, dễ như</i>	

			căn	các bài toán liên quan.	nhau	
	14	<i>Bài 9: Căn bậc ba.</i>	1. Khái niệm căn bậc ba 2. Tính chất	- Hiểu khái niệm căn bậc ba của một số thực. Hiểu được căn bậc ba của một số qua một số ví dụ đơn giản. - Tính được căn bậc ba của một số biểu diễn được thành lập phương của một số khác.	Trên lớp	
8	15	<i>Ôn tập chương I</i>	1. Ôn lại lý thuyết 2. Tính giá trị biểu thức chứa căn bậc hai 3. Giải phương trình chứa căn 4. Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai	- Tính được căn bậc hai của một số không âm, căn bậc ba của số thực - Thực hiện được một số phép toán đơn giản về căn bậc hai của hai số thực không âm, của biểu thức đại số	Trên lớp <i>Lưu ý: Gv chuẩn bị câu hỏi gợi mở trước cho học sinh</i>	
	16	<i>Ôn tập chương I (tt)</i>	1. Tính giá trị biểu thức chứa căn bậc hai 2. Giải phương trình chứa căn 3. Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai vừa chứa biến và	- Kiến thức: HS được tiếp tục củng cố các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai một cách có hệ thống. Biết tổng hợp các kỹ năng, luyện kỹ năng rút gọn biểu thức, biến đổi biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải	Trên lớp <i>Lưu ý: Gv chuẩn bị câu hỏi gợi mở trước cho học sinh</i>	

			SỐ	phương trình. - Có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên		
9	17	Ôn tập giữa học kì I		<p>Phẩm chất : yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p> <p>Năng lực chung : năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;</p> <p>Năng lực đặc thù : năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.</p>	Dạy học trên lớp	
	18	Kiểm tra Giữa kỳ I	<p>1. Ôn định lớp</p> <p>2. phát đề bài kiểm tra</p> <p>3. Thu bài và dặn dò tiết học sau</p>	<p>- Biết điều kiện để \sqrt{A} xác định là $A \geq 0$, từ đó suy ra điều kiện của biến trong biểu thức A</p> <p>- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$ chỉ đúng khi a và b không âm; đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$ chỉ đúng khi a không âm và b dương.</p> <p>- Biết khử mẫu của biểu thức lấy căn trong trường hợp đơn giản. Biết rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai trong trường hợp đơn giản. Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và</p>	Trên lớp	Lưu ý: Nhiều đề bài có độ khó, dễ như nhau

				chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.		
CHƯƠNG II: HÀM SỐ BẬC NHẤT						
10	19	Bài 1: Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số		1. Khái niệm hàm số 2. Đồ Thị Hàm số 3. Hàm số đồng biến nghịch biến	- HS được ôn lại và phải nắm vững các khái niệm về hàm số, biến số, cách cho một hàm số, đồ thị hàm số, giá trị của hàm số, tính chất biến thiên của hàm số - Tính nhanh các giá trị của hàm số khi cho trước biến số, biểu diễn các cặp số (x;y) trên mặt phẳng tọa độ, vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = ax$.	Trên lớp
	20	Bài 2: Hàm số bậc nhất		1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất	- Nắm được khái niệm hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0), TXĐ, đồng biến khi $a > 0$, nghịch biến khi $a < 0$. - Vẽ đồ thị hàm số, đọc đồ thị hàm số (Lưu ý: Không yêu cầu học sinh vẽ đồ thị hàm số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ. - Không chứng minh các tính chất của hàm số bậc nhất.)	Trên lớp
	21		Bài 3	3. Đồ thị của hàm số bậc nhất	- Nắm được khái niệm hàm số bậc nhất $y = ax + b$	Lưu ý: Không yêu cầu học sinh vẽ đồ thị hàm

11	22	Hàm số bậc nhất	Luyện tập	<p>1. Xác định hàm số bậc nhất và các hệ số của nó (BT 8,12)</p> <p>2. Tính chất đồng biến, nghịch biến của hàm số (BT 9,10,13,14)</p> <p>3. Dạng Vẽ ĐTHS(BT 15,16,17a)</p> <p>4. Xác định hệ số của đồ thị theo ĐK cho trước</p>	<p>(a khác 0), TXĐ, đồng biến khi $a > 0$, nghịch biến khi $a < 0$.</p> <p>- Vẽ đồ thị hàm số, đọc đồ thị hàm số</p>	<p>số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ.</p> <p>- Không chứng minh các tính chất của hàm số bậc nhất.</p> <p>Khuyến khích học sinh tự làm BT 19</p>
	23	Bài 4: Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	<p>1. Đường thẳng song song</p> <p>2. Đường thẳng cắt nhau</p> <p>3. Bài toán áp dụng</p>	<p>- Nắm vững điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>- Biết chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau. HS biết vận dụng lý thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.</p>	Trên lớp	
12	24	Luyện tập	<p>1. Xác nhận vị trí tương đối của hai đường thẳng thông qua các hệ số (BT 20,23)</p>	<p>- củng cố điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>- Biết chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau, chỉ ra các hệ số a, b, a', b'. HS biết vận dụng lý</p>	Trên lớp	

			2 Xác định hệ số của hàm số theo ĐK cho trước (BT 21,24,26)	thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.		
13	25	Bài 5: Hệ số góc của đường thẳng $y=ax+b$ ($a \neq 0$)	1. Khái niệm hệ số góc của đường thẳng 2. ví dụ 3. Áp dụng giải BT 27	- HS được nắm vững khái niệm góc tạo bởi hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax+b$ hiểu được mối liên quan mật thiết - HS biết tính góc anpha hợp bởi đường thẳng $y = ax+b$ và trục Ox trong trường hợp hệ số $a > 0$ theo công thức $a = \tan \alpha$. Trường hợp $a < 0$ có thể tính α một cách gián tiếp	Trên lớp	Lưu ý: Không dạy Ví dụ 2
	26	Luyện tập	1. Xác định hệ số góc và tính góc tạo bởi đường thẳng và trục ox(BT 28) 2. Xác định hệ số góc của đường thẳng và góc tạo bởi đường thẳng và trục ox theo ĐK cho trước)	- Học sinh được củng cố mối liên quan giữa hệ số a và góc α . - Rèn luyện kỹ năng xác định hệ số góc a, vẽ đồ thị hàm số $y=ax+b$ ($a \neq 0$), tính được góc α , tính chu vi và diện tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ. - Rèn kỹ năng chính xác vẽ đồ thị và tìm tọa độ điểm.	Trên lớp	Lưu ý: Không yêu cầu BT 31 (Không kiểm tra, đánh giá)

14	27	Ôn tập chương II	<p>1. Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 8</p> <p>2. Áp dụng giải BT 32 đến 34</p>	<p>- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của chương, giúp HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về khái niệm hàm số, biến số, ĐTHS, khái niệm hàm số bậc nhất, tính đồng biến, nghịch biến; đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau, vuông góc với nhau</p> <p>- HS vẽ thành thạo ĐTHS bậc nhất, xác định được góc của đường thẳng với trục Ox, xác định hàm số $y = ax + b$ thỏa mãn điều kiện.</p>	Trên lớp	<p>Lưu ý: BT 37d và 38c Tự học có hướng dẫn (Không kiểm tra, đánh giá)</p>
	28	Ôn tập chương II(tt)	<p>. Áp dụng giải BT</p>	<p>- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của chương, giúp HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về ĐTHS, đồng biến, nghịch biến; đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau, vuông góc với nhau</p> <p>- HS vẽ thành thạo ĐTHS bậc nhất, xác định được góc của đường thẳng với trục Ox, xác định hàm số $y = ax + b$ thỏa mãn điều kiện.</p>	Trên lớp	
15	29	Bài 1: Phương trình bậc nhất hai ẩn	<p>1. Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn</p> <p>2. Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn</p>	<p>- Học sinh nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó. Hiểu tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.</p> <p>- Rèn luyện cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm</p>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhàn cứu bài học	
	30	Bài 2: Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	<p>1. Khái niệm về hệ phương trình bậc</p>	<p>- Nắm được khái niệm nghiệm của hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. Khái niệm 2 hệ phương trình</p>	Trên lớp Phương	

			nhất hai ẩn 2. Minh họa tập nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn 3. Hệ phương trình tương đương	tương đương. - Phương pháp minh họa hình học tập nghiệm của hệ 2 PT bậc nhất 2 ẩn.	pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
	31	Luyện tập	Áp dụng giải các BT từ 5 đến 8	- củng cố các khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn - Biết cách minh họa hình học của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, biết cách tìm nghiệm của hệ phương trình	Trên lớp	
16	32	Bài 3: Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	1. Quy tắc thế 2. Áp dụng 3. Tóm tắt cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	- HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế. Cần nắm vững cách giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế. - Giải thành thạo hệ phương trình bằng phương pháp thế. Không bị lúng túng khi gặp các TH đặc biệt (hệ VN hoặc hệ có VSN).	Trên lớp	
	33	Luyện tập (Giải HPT bằng ph/pháp thế)	1. Tóm tắt cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế 2. Các dạng toán liên quan đến giải hệ phương trình	- Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế. - Cần nắm vững cách giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế. - Vận dụng 2 bước Giải thành thạo hệ phương trình bằng phương pháp thế. Không bị lúng túng	Trên lớp	

			bậc nhất 2 ẩn	khi gặp các TH đặc biệt (hệ VN hoặc hệ có VSN).		
	34	Bài 4: Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	1. Quy tắc cộng đại số 2. Áp dụng 2a. Trường hợp 1 2b. Trường hợp 2 3. Tóm tắt cách giải hệ phương trình	- Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số. Cần nắm vững cách giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp cộng đại số. - Giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn bắt đầu nâng cao dần lên.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
17	35	Luyện tập	Dạng 1: Các hệ số tương ứng bằng nhau hoặc đối nhau Dạng 2: Các hệ số tương ứng không bằng nhau, không đối nhau Dạng 3: Đặt ẩn phụ	- củng cố cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số và phương pháp thế, và phương pháp đặt ẩn phụ. - Rèn kĩ năng giải hệ phương trình bằng các phương pháp một cách thành thạo và lý năng tính toán	Trên lớp	
	36	Ôn tập học kỳ I	1. Ôn tập các kiến thức chương I 2. Nêu các dạng toán đã học ở chương I + ví dụ minh họa	- Ôn tập các công thức đã học chương I và các cách biến đổi - Rèn luyện một số dạng bài tập trong chương nhất là dạng toán tổng hợp và rút gọn căn thức các kĩ năng tính giá trị biểu thức biến đổi biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm x và các câu hỏi liên quan đến rút gọn biểu thức.	Trên lớp Gv chuẩn bị câu hỏi gợi trước cho học sinh	
	37	Ôn tập học kỳ I (tt)	1. Ôn tập các kiến thức chương I	- Ôn tập cho học sinh các kiến thức cơ bản về hàm số,	Trên lớp Gv chuẩn	

				2. Nêu các dạng toán đã học ở chương I + ví dụ minh họa 3. Giải đề cương ôn tập đã cho	- Rèn luyện một số dạng bài tập trong chương II về tính đồng biến tính nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. Luyện tập thêm việc xác định phương trình đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất	bị câu hỏi gợi trước cho học sinh		
18	38	Kiểm tra Học kỳ I		1. Ổn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	- Củng cố các kiến thức của chương I và II Rèn ý thức tự giác, tự lập cho học sinh. - Kiểm tra được kỹ năng vận dụng các phương pháp vào giải các BT	Trên lớp		
	39	Trả bài kiểm tra học kỳ I.		Nhận xét và đánh giá chung tình hình tiếp thu bài của lớp (Tuyên dương và phê bình)	- HS được củng cố kiến thức thông qua bài kiểm tra Học kỳ I. Được biết kết quả kiểm tra của mình khi GV thông qua điểm số. GV qua bài học này sẽ yêu cầu HS cần phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm về kiến thức, kỹ năng và tư duy toàn khi thực hiện bài tập.	Trên lớp		
HỌC KÌ II								
19	40	Giải bài toán bằng cách lập hệ pt	Bài 5	1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ pt. 2. Ví dụ Dạng 1: Dạng toán liên quan đến số Dạng 2: Dạng toán chuyển động	- Nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn . - Có kĩ năng giải các loại toán về chuyển động, về phép viết số, quan hệ giữa các số, ... - Rèn kỹ năng giải toán bằng cách lập hệ phương trình; tập trung vào dạng toán phép viết số, quan	<i>Lưu ý: §5 và §6 ghép thành một bài</i> Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài <i>toán thực tế</i> .		
	41		Bài 6					
	42		Luyện	Dạng 3: Dạng toán chia				

20			<i>n tập</i>	đều Dạng 4: Dạng toán quy về 1 đơn vị	hệ số, chuyển động		
	43	Ôn tập chương III		1. Ôn tập lý thuyết Về phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất một ẩn 2. Dạng toán đưa về Giải hệ phương trình	- Củng cố khái niệm nghiệm và tập nghiệm của phương trình và hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn cùng với minh họa hình học của chúng. Các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn: phương pháp thế và phương pháp cộng đại số. - Củng cố và nâng cao kỹ năng giải PT và hệ 2 PT bậc nhất 2 ẩn.	Trên lớp	<i>Lưu ý: Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác.</i>
21	44	Ôn tập chương III (tt)		1. Dạng toán chuyển động: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình 2. Dạng toán qui về một đơn vị: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình	- Củng cố các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn: phương pháp thế và phương pháp cộng đại số bằng cách đặt ẩn phụ Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình .	Trên lớp Gv chuẩn bị câu hỏi gợi trước cho học sinh	
	45	Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)	Bài 1:	1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).	HS phải nắm vững các nội dung sau: + Thấy được trong thực tế có những hàm số dạng $y = a.x^2$ ($a \neq 0$). cũng cố nhận xét về đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) qua việc vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), kỹ năng ước lượng các giá trị hay ước lượng vị trí của một số điểm biểu diễn các số vô tỉ.	Trên lớp	<i>Lưu ý: §1 và §2 ghép thành 1 bài - Chỉ yêu cầu vẽ đồ</i>
22	46		Bài 2:	3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2$ nhờ đồ thị. Không chứng minh các tính			

				chất đó bằng phương pháp biến đổi đại số.	+ Tính chất và nhận xét về hàm số $y = a.x^2$ ($a \neq 0$) HS biết tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.		thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) với a là số hữu tỉ
	47						
	48						
23			Luyện tập	Áp dụng giải BT			
	49	Bài 3: Phương trình bậc hai một ẩn .		1. Bài toán mở đầu 2. Định nghĩa 3. Một số ví dụ về giải phương trình bậc hai	- HS nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn: dạng tổng quát , dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc cả b và c bằng 0. Luôn nhớ $a \neq 0$ - HS biết phương pháp giải riêng các phương trình hai dạng đặc biệt, giải thành thạo hai dạng đặc biệt đó - HS biết biến đổi phương trình dạng tổng quát : $ax^2 + bx + c = 0 \quad (a \neq 0) \quad \text{về dạng} \quad \left(x + \frac{b}{2a}\right)^2 = \frac{b^2 - 4ac}{4a^2}$ trong các trường hợp cụ thể của a, b, c để giải phương trình	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
24	50	Luyện tập		1. Dạng toán xác định phương trình bậc hai một ẩn và xác định các hệ số a, b, c 2. Dạng: Giải phương trình bậc hai khuyết b, hoặc c bằng cách đưa về phương trình tích	- Cũng cố được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, xác định thành thạo các hệ số a, b, c; đặc biệt $a \neq 0$ - HS biết phương pháp giải các phương trình hai dạng đặc biệt, giải thành thạo hai dạng đặc biệt : khuyết b: $ax^2 + c = 0$ và khuyết c: $ax^2 + bx = 0$ - HS biết biến đổi phương trình dạng tổng quát : ax^2	Trên lớp	

				$+bx +c =0 (a \neq 0)$ về dạng $(x + \frac{b}{2a})^2 = \frac{b^2 - 4ac}{4a^2}$		
	51-52	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai.	1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai.	- H.sinh nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$, $\Delta' = b'^2 - ac$ và nhớ kỹ điều kiện của Δ , Δ' để p.trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.	Trên lớp	
		phương trình bậc hai.	2. Công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai.	- Học sinh vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình - Rèn luyện kỹ năng biến đổi biểu thức, tính toán và giải phương trình		
25	53	Luyện tập	Dạng1: giải phương trình bậc hai bằng cách dùng công thức nghiệm Dạng 2: Xác định giá trị tham số để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt	- H.sinh nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$, $\Delta' = b'^2 - ac$ và nhớ kỹ điều kiện của Δ , Δ' để p.trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt. - Học sinh vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình - Rèn luyện kỹ năng biến đổi biểu thức, tính toán và giải phương trình	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học.	Lưu ý: §4 và §5 ghép thành 1 bài
26	54	Luyện tập		Dạng1: xác định khi nào dùng công thức nghiệm thu gọn giải phương trình bậc hai một ẩn Dạng 2: Xác định giá trị tham số để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt		
	55	Bài 6: Hệ thức Vi-ét và ứng	1. Hệ thức vi-ét 2: Áp dụng nhằm	* Học sinh nắm vững hệ thức Viet và một số trường hợp đặc biệt $a + b + c = 0$ và $a - b + c = 0$ để nhằm	Trên lớp	Lưu ý: BT 33 Khuyến khích học

		dụng.	<p>nhịệm dựa vào hệ số</p> <p>3. Áp dụng nhằm nhịệm khi biết tổng và tích của 2 nhịệm</p>	<p>nhịệm</p> <p>* Rèn luyện vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viet như: Biết nhằm nhịệm đối với các phương trình bậc hai đặc biệt; biết tìm được 2 số khi biết tổng và tích của chúng .</p>		<i>sinh tự làm</i>
27	56	Ôn tập giữa kì		<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số và phương pháp thế, và phương pháp đặt ẩn phụ. - Củng cố được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, xác định thành thạo các hệ số a, b, c; đặc biệt $a \neq 0$ - HS biết phương pháp giải các phương trình hai dạng đặc biệt, giải thành thạo hai dạng đặc biệt : khuyết b: $ax^2 + c = 0$ và khuyết c: $ax^2 + bx = 0$ - Củng cố vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), kĩ năng ước lượng các giá trị hay ước lượng vị trí của một số điểm biểu diễn các số vô tỉ. - Củng cố tính chất và nhận xét về hàm số $y = a.x^2$ ($a \neq 0$) 	Trên lớp	
	57	Kiểm tra giữa kỳ II	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ôn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức về cách vẽ đồ thị, về phương trình bậc hai một ẩn - Rèn luyện cách trình bày bài kiểm tra 		
28	58	Luyện tập.	1. Hệ thức vi- ét	- Củng cố hệ thức Viet và các ứng dụng của nó.	Trên lớp	

			2: Tìm giá trị tham số m để thỏa mãn điều kiện liên quan đến các nghiệm của phương trình	Tìm hai số khi biết tổng và tích của nó. - Rèn kĩ năng vận dụng hệ thức Viét để tính tổng, tích các nghiệm của phương trình bậc hai, nhằm nghiệm của phương trình bậc hai và tìm hai số khi biết tổng và tích của nó.		
	59	Bài 7: Phương trình quy về phương trình bậc hai.	1. Phương trình trùng phương 2. Phương trình chứa ẩn ở mẫu 3. Phương trình tích	- Nắm được các dạng phương trình có thể đưa về bậc hai; Biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như: phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, và dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ ẩn phụ - Rèn cho học sinh kỹ năng biến đổi phương trình bậc cao về các dạng phương trình đã học để giải.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhàn cứu bài học	
29	60	Luyện tập.	Dạng 1: Giải phương sau khi biến đổi đưa về được phương trình bậc 2 hoặc phương trình trùng phương (BT 34, 37, 38a,b,c) Dạng 2: Phương trình chứa ẩn ở mẫu (BT 36,38c,d,e) Dạng 3: phương trình tích (BT 39) Dạng 4: Giải phương trình bằng cách đặt ẩn phụ	- củng cố cho học sinh cách giải một số dạng phương trình qui được về phương trình bậc hai - Giải phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương, phương trình tích, một số dạng phương trình bậc cao	Trên lớp	

	61	<i>Bài 8: Giải bài toán bằng cách lập phương trình .</i>	<p>Ví dụ 1: Dạng toán chia đều</p> <p>Ví dụ 2: ?1: Dạng toán liên quan đến công thức hóa học, vật lý...)</p> <p>Ví dụ 3: BT 43: Dạng toán chuyển động đều</p>	<p>- Học sinh được củng cố tiếp tục về giải bài toán bằng cách lập phương trình: Học sinh biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn; Biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán; Biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.</p> <p>- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích bài toán, trình bày bài toán thông qua các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.</p>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
30	62	<i>Luyện tập</i>	<p>Ví dụ 1: Dạng toán liên quan đến số(BT 41,)</p> <p>Ví dụ 2: ?1: Dạng toán liên quan đến công thức các môn khác (BT 46,50,)</p> <p>Ví dụ 3: BT 43: Dạng toán chuyển động đều (BT47)</p> <p>Ví dụ 4: Qui về 1 đơn vị (BT 49</p>	<p>- Học sinh được tiếp tục luyện kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bước phân tích đề bài , tìm ra mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình</p> <p>- Thành thạo việc giải bài toán bằng cách lập phương trình</p> <p>Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.</p>	Trên lớp	
	63	<i>Luyện tập (tt)</i>	<p>Ví dụ 1: Dạng toán liên quan đến số(BT 45,)</p> <p>Ví dụ 2: ?1: Dạng toán liên quan đến công thức các môn khác (BT,51)</p> <p>Ví dụ 3: BT 43: Dạng toán chuyển động đều (BT52)</p>	<p>- Củng cố hệ thức Viét và các ứng dụng của nó. Tìm hai số khi biết tổng và tích của nó.</p> <p>- Rèn kỹ năng vận dụng hệ thức Viét để tính tổng, tích các nghiệm của phương trình bậc hai, nhằm nghiệm của phương trình bậc hai và tìm hai số khi biết tổng và tích của nó.</p>	Trên lớp	

			Ví dụ 4: Qui về 1 đơn vị (BT 62 SBT)			
31	64	Ôn tập chương IV	1. Tóm tắt kiến thức của chương IV 2. Dạng toán liên quan đến đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) 3. Giải pt bậc 2 một ẩn	- Ôn tập một cách hệ thống lí thuyết của chương - Rèn kĩ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích, giải bài toán bằng cách lập phương trình, ...	Trên lớp Gv chuẩn bị câu hỏi gợi trước cho học sinh	
	65	Ôn tập chương IV (tt)	1. Dạng toán Giải phương trình được đưa về phương trình bậc hai 2. Dạng toán giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Hệ thống lại toàn bộ các kiến thức đã học trong chương IV và một số dạng toán cơ bản trong chươn - Rèn luyện các kỹ năng giải các bài toán cơ bản .Kết hợp nâng cao một số ít các bài toán về tính – rút gọn –chứng minh –giải phương trình		Lưu ý: BT : 66 Khuyến khích học sinh tự làm(Không kiểm tra, đánh giá)
32	66	Ôn tập học kì II		- Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình - Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) , p.trình bậc hai 1 ẩn. - Rèn kỹ năng vận dụng các kiến thức đã ôn vào các bài tổng hợp.	Trên lớp	
33	67	Ôn tập học kì II		- Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình	Trên lớp	

				<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), p.trình bậc hai 1 ẩn. - Rèn kỹ năng vận dụng các kiến thức đã ôn vào các bài tổng hợp. 		
34	68	<i>Ôn tập cuối năm</i>	1. Ôn tập kiến thức chương I và chương II + BT	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về căn bậc 2, căn bậc 3, hàm số bậc nhất, hệ 2 phương trình bậc nhất hai ẩn, - Học sinh được ôn tập các kiến thức cơ bản về hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), p.trình bậc hai 1 ẩn. - Rèn kỹ năng vận dụng các kiến thức đã ôn vào các bài tổng hợp. 	Trên lớp	
35	69	<i>Kiểm tra Học kỳ II</i>	1. Ổn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các kiến thức cơ bản đã học (<i>chủ yếu ở kỳ II</i>). - Rèn ý thức tự giác, tự lập, nghiêm túc cho học sinh trong kiểm tra, thi 	Trên lớp	
	70	<i>Trả bài kiểm tra học kỳ II .</i>	Nhận xét và đánh giá chung tình hình tiếp thu bài của lớp(Tuyên dương và phê bình)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhằm đánh giá và nhận xét , sửa sai cho HS những kiến thức trong bài kiểm tra HKI. Đánh giá việc vận dụng các kiến thức vào giải toán - Ghi lại các lỗi thường mắc phải của HS. Ghi lại những thiếu sót ở: nội dung, hình thức, cách trình bày. 	Trên lớp	

B. PHẦN HÌNH HỌC						
HỌC KÌ I						
CHƯƠNG I: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG						
1	1	Bài 1: Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	<p>1.Hệ thức giữa cạnh góc vuông và hình chiếu của nó trên cạnh huyền .</p> <p>2.Một số hệ thức liên quan tới đường cao :</p> <p>Định lý 2</p>	<p>- Biết chứng minh các hệ thức $b^2 = ab'$, $c^2 = ac'$, $h^2 = b'c'$. Biết diễn đạt các hệ thức bằng lời.</p> <p>- Vận dụng được các hệ thức đó để giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.</p>	Trên lớp	Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học
2	2	Bài 1: Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tt)	<p>Định lý 3</p> <p>Định lý 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm các định lí và các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông , hiểu rõ từng kí hiệu trong các hệ thức . - Vận dụng thành thạo các hệ thức vào việc giải toán và một số ứng dụng trong thực tế. 	Trên lớp	
	3	Luyện tập.	<p>Dạng 1: Vận dụng hệ thức Định lý 1,2(BT 1,2)</p> <p>Dạng 2: Vận dụng hệ thức Định lý 3,4(BT 3,4)</p> <p>Dạng 3: Dạng toán đọc và hiểu lời bài toán (BT 5,6)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các định lí và các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông - Vận dụng thành thạo các hệ thức vào việc giải toán và một số ứng dụng trong thực tế . 	Trên lớp	

3			Dạng 4: Dạng toán dựng hình (BT7)			
	4	Luyện tập (tt)	<p>Dạng 1 : Biết 2/6 độ dài. Tìm 4 độ dài đoạn thẳng còn lại trong một tam giác vuông (BT 8 và BT ngoài)</p> <p>Dạng 2: Vận dụng công thức biến đổi để chứng minh định tính (BT 9)</p> <p>Dạng 3: Biết 1độ dài và một quan hệ hai độ dài đoạn thẳng . Tìm 5 độ dài còn lại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các định lí và các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông - Vận dụng thành thạo các hệ thức và hệ thức biến đổi linh hoạt vào việc giải toán 	Trên lớp	
	5	Bài 2: Tỉ số lượng giác của góc nhọn	<p>1. Khái niệm tỉ số lượng giác của một góc nhọn</p> <p>a) Mở đầu</p> <p>b) Định nghĩa Ví dụ 1, ví dụ 2.</p> <p>2. Áp dụng</p>	<p>- Hiểu định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn. Hiểu được các tỉ số này chỉ phụ thuộc vào độ lớn của góc nhọn α mà không phụ thuộc vào từng tam giác vuông có một góc bằng α .</p> <p>- Biết vận dụng công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn để tính tỉ số lượng giác của các góc đặc biệt 30^0 , 45^0 , 60^0</p>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
	6	Bài 2: Tỉ số lượng giác của góc nhọn (tt)	<p>1. Gồm: ví dụ 3, ví dụ 4.</p> <p>2: Tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau.</p> <p>3. Áp dụng</p>	<p>- Nắm vững các hệ thức liên hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. Hiểu được khi cho góc nhọn α ta tính được các tỉ số lượng giác của nó và ngược lại.</p> <p>- Biết dựng góc khi cho biết một trong các tỉ số</p>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên	

4				lượng giác của nó. Biết vận dụng các kiến thức vào giải các bài tập có liên quan.	cứu bài học	
	7	Luyện tập.	1. Kiến thức cơ bản 2. Dụng góc nhọn khi biết một tỉ số lượng giác của nó. <i>(Bài 13a, b tr 77 SGK)</i> 3. Chứng minh hệ thức lượng giác (Bài 14 SGK) 4. Tính độ dài một cạnh trong tam giác vuông biết một góc và một cạnh (Bài 15 SGK)	- Củng cố công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn, các tỉ số lượng giác của ba góc đặc biệt 30° , 45° và 60° , các hệ thức liên hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. - Rèn kỹ năng tính toán các tỉ số lượng giác của các góc đặc biệt, kỹ năng dụng góc nhọn khi biết một trong các tỉ số lượng giác của góc đó. Biết vận dụng các hệ thức liên hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau vào giải toán.	Trên lớp	
	8	Luyện tập (tt)	1. Tính độ dài một cạnh trong tam giác vuông biết một góc và một cạnh (BT 16) 2. Tính độ dài các cạnh của một tam giác thường đặt biệt	- Biết thiết lập được và nắm vững các hệ thức giữa cạnh và góc của một tam giác vuông. - Vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập, dùng máy tính bỏ túi và cách làm tròn số thành thạo	Trên lớp	
5	9	Bài 4: Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông:	1 Các hệ thức Định lí 1 Ví dụ 1, 2 2. Áp dụng giải BT 26	- Biết thiết lập được và nắm vững các hệ thức giữa cạnh và góc của một tam giác vuông. - Vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập, dùng	<i>Lưu ý: Sửa lại kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$. cotang của góc α là</i>	

		Mục 1		máy tính bỏ túi và cách làm tròn số thành thạo	<i>cota</i>	
	10	<i>Bài 4: Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (tt)</i>	1. Giải tam giác vuông Ví dụ 3,4,5 2. Áp dụng làm câu ?2 và ?3, BT 27	- Hiểu thuật ngữ “giải tam giác vuông”Củng cố các hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác. - Vận dụng các hệ thức trên vào giải tam giác vuông thành thạo.các bài toán thực tế	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
6	11	<i>Luyện tập.</i>	1. Nhắc lại các hệ thức ở mục 1 2. <i>Giải tam giác vuông</i> a) Biết một cạnh và một góc BT 28,29 b) kẻ thêm đường phụ tạo ra một tam giác vuông biết một cạnh và một góc (BT 30)	- Củng cố các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác, bài toán giải tam giác vuông. - Rèn kỹ năng vận dụng các hệ thức trong việc giải tam giác vuông, thực hành sử dụng máy tính bỏ túi tính tỷ số lượng giác của góc nhọn khi biết số đo và cách làm tròn số. - Thấy được ứng dụng các tỉ số lượng giác để giải quyết các bài toán thực tế.	Trên lớp	
	12	<i>Luyện tập (tt)+ kt 15’</i>	1. Nhắc lại các hệ thức ở mục 1 2. kẻ thêm đường phụ tạo ra một tam giác vuông biết một cạnh và một góc (BT 31)	- Biết bài toán giải tam giác vuông theo ĐK cho trước - Rèn kỹ năng vận dụng các hệ thức trong việc giải tam giác vuông, thực hành sử dụng máy tính bỏ túi tính tỷ số lượng giác của góc nhọn khi biết số đo và cách làm tròn số.kỹ năng trình bày lời giải - Thấy được ứng dụng các tỉ số lượng giác để	Trên lớp	<i>Lưu ý: Nhiều đề bài có độ khó, dễ như nhau</i>

			3 Kiểm tra 15'	giải quyết các bài toán thực tế.		
7	13	Bài 5: Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn.	1. Xác định chiều cao: 2. Thực hành ngoài trời. 3. Báo cáo , nhận xét , đánh giá	- Củng cố kiến thức về tỉ số lượng giác của góc nhọn, các hệ thức liên hệ giữa cạnh và góc trong tam giác vuông. - Xác định được chiều cao của một vật thể mà không cần lên điểm cao nhất của nó.	Trên lớp Và thực hành ngoài trời : Mục 1	
	14	Bài 5: Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời (tt): Mục 2	1. Xác định khoảng cách: 2. Thực hành ngoài trời. 3. Báo cáo , nhận xét , đánh giá	- Củng cố kiến thức về tỉ số lượng giác của góc nhọn, các hệ thức liên hệ giữa cạnh và góc trong tam giác vuông. - Xác định được khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một điểm không tới được	Trên lớp Thực hành ngoài trời : Mục 1	
8	15	Ôn tập chương I	1. Tóm tắt các công thức liên hệ giữa các cạnh và đường cao, giữa các cạnh và góc trong một tam giác vuông 2. Áp dụng :	- Hệ thống hoá các kiến thức cơ bản của chương 1 : Hệ thức - Rèn kĩ năng sử dụng máy tính bỏ túi để tính các TSLG hoặc số đo góc, kĩ năng vận dụng các hệ thức giải các bài toán đơn giản và nâng cao.	Trên lớp	
	16	Ôn tập chương I (tt)	1. Tóm tắt các công thức liên hệ giữa các cạnh và đường cao, giữa các cạnh và góc trong một tam giác vuông	- Hệ thống hoá các kiến thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. - Rèn kĩ năng dựng góc nhọn α khi biết một tỉ số lượng giác của nó, giải tam giác vuông và tính	Trên lớp	

			2. Áp dụng : Dạng toán liên hệ thực tế(BT 38,39,40,41)	chiều cao, chiều rộng của vật thể trong thực tế		
9	17	Ôn tập giữa học kì I		<p>Phẩm chất : yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p> <p>Năng lực chung : năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;</p> <p>Năng lực đặc thù : năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.</p> <p>Ôn lại hệ thức thức giữa cạnh và đường cao trong tam giác vuông ; các TSLG của góc nhọn ; các hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông. Dưới dạng trắc nghiệm và tự luận .</p>	Dạy học trên lớp	
	18	Kiểm tra giữa kỳ I	1. Ôn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	<p>- Kiểm tra về hệ thức thức giữa cạnh và đường cao trong tam giác vuông ; các TSLG của góc nhọn ; các hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.</p> <p>- Thiết lập được các tỉ số lượng giác của góc nhọn .</p> <p>- Sử dụng máy tính để tìm tỉ số lượng giác của một góc nhọn cho trước và tìm số đo của một góc nhọn khi biết một TSLG của nó.</p>	Trên lớp	<i>Lưu ý: Nhiều đề bài có độ khó, dễ như nhau</i>

				<div>- Vận dụng một cách linh hoạt các hệ thức trong tam giác vuông để tính một số yếu tố</div> <div>- Vận dụng các hệ thức trong tam giác vuông để giải các bài toán thực tế .</div>		
CHƯƠNG II: ĐƯỜNG TRÒN						
10	19	Bài 1: Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn	<div>1. Nhắc lại về đường tròn</div> <div>2. Cách xác định đường tròn</div> <div>3. Tâm đối xứng</div> <div>4. Trục đối xứng</div>	<div>- Hiểu được định nghĩa đường tròn, cách xác định một đường tròn, đường tròn ngoại tiếp tam giác và tam giác nội tiếp đường tròn.</div> <div>- Biết tìm tâm của một vật hình tròn, nhận biết hình có.Biết dựng đường tròn đi qua ba điểm không thẳng hàng. Biết chứng minh một điểm nằm trong, nằm ngoài, nằm trên đường tròn.</div>	Trên lớp	
	20	Luyện tập.	<div>1. Cách xác định tâm của một tam giác, tứ giác đặc biệt (BT1,2,3,4)</div> <div>2.Xác định tâm đối xứng, trục đối xứng của một số hình trong thực tế</div>	<div>- Củng cố cách tìm tâm của một vật hình tròn, nhận biết hình có. Biết dựng đường tròn đi qua ba điểm không thẳng hàng. Biết chứng minh một điểm nằm trong, nằm ngoài, nằm trên đường tròn.</div>	Trên lớp	
11	21	Bài 2: Đường kính và dây của đường tròn.	<div>1. So sánh đường kính và dây</div> <div>2. Quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây</div>	<div>- HS cần nắm được: Đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn, hai định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm.</div> <div>- Biết vận dụng các định lý trên để chứng minh đường kính đi qua trung điểm một dây, đường kính vuông góc với dây. Biết xây dựng mệnh đề đảo</div>	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp pháp nhiên cứu	

					bài học	
	22	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức §2 2. Giải BT	- Củng cố và khắc sâu các kiến thức: Đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn, hai định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm. - Biết vận dụng các định lý trên để chứng minh đường kính đi qua trung điểm một dây, đường kính vuông góc với dây. Biết xây dựng mệnh đề đảo	Trên lớp	
12	23	Bài 3: Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	1 Bài toán 2. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây 3. Áp dụng Giải BT 12,13)	- HS nắm được các định lý về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây trong một đường tròn. - Biết vận dụng các định lý trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây. HS có thể vận dụng thành thạo để giải toán ứng dụng, giải toán liên quan.	Trên lớp	
	24	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức §3. 2. Giải BT 14,15,16	- HS nắm được các định lý về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây trong một đường tròn. - Biết vận dụng các định lý trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây. HS có thể vận dụng thành thạo để giải toán ứng dụng, giải toán liên quan.	Trên lớp	
	25	Bài 4: Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.	1. Ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn a) đường thẳng và	- HS nắm được ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, các khái niệm tiếp tuyến, tiếp điểm. Nắm được định lý tiếp tuyến, các hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề +	

13			<p>đường tròn cắt nhau</p> <p>b) Đường thẳng và đường tròn tiếp xúc nhau</p> <p>c) đường thẳng và đường tròn không giao nhau</p> <p>2. Hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn</p> <p>3. Áp dụng : Giải BT 18,20</p>	<p>bán kính đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.</p> <p>- Biết vận dụng các kiến thức trong bài để nhận xét các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.</p>	phương pháp nhiên cứu bài học	
	26	Bài 5: Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.	<p>1. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn</p> <p>2.Áp dụng: Giải BT 21</p>	<p>- HS nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.</p> <p>- Biết vẽ tiếp tuyến tại một điểm của đường tròn</p> <p>Biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào các bài tập tính toán, chứng minh.</p>	Trên lớp	
	27	Luyện tập + Kiểm tra 15 phút	<p>1. Nhắc lại kiến thức</p> <p>2. Áp dụng Giải BT 24,25</p> <p>3. Phát đề bài kiểm tra 15 phút có nội dung sau:</p> <p>a) Dựa vào hệ thức d và R để kết luận tiếp tuyến</p>	<p>- HS nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.</p> <p>- Biết vẽ tiếp tuyến tại một điểm của đường tròn</p> <p>Biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào các bài tập tính toán, chứng minh.</p>	Trên lớp	
14						

			b) Chứng minh một tiếp tuyến			
	28	Bài 6: Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.	1. Định lí về hai tiếp tuyến cắt nhau 2. Đường tròn nội tiếp tam giác 3. Đường tròn bàng tiếp 4 Áp dụng : Giải BT 26	- HS nắm được tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, nắm được cơ bản về đường tròn nội tiếp tam giác, đường tròn bàng tiếp tam giác. - Vận dụng tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau vào giải toán. Rèn luyện kĩ năng vẽ đường tròn nội tiếp, đường tròn bàng tiếp tam giác.	Trên lớp	
15	29	Luyện tập.	Áp dụng : Giải BT	HS được củng cố tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, nắm được cơ bản về đường tròn nội tiếp tam giác, đường tròn bàng tiếp tam giác. - Vận dụng tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau vào giải toán. Rèn luyện kĩ năng vẽ đường tròn nội tiếp, đường tròn bàng tiếp tam giác.	Trên lớp	
16	30	Ôn tập học kỳ I.	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK I tham khảo	- Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập tổng hợp về chứng minh và tính toán. - Rèn vẽ hình, phân tích tìm tòi lời giải và trình bày bài giải, chuẩn bị để kiểm tra HKI	Trên lớp	<i>Lưu ý: Gv chuẩn bị câu hỏi gợi trước cho học sinh</i>
17	31	Ôn tập học kỳ I.(tt)	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập 2. Giải các đề thi HK I tham khảo	- Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập tổng hợp về chứng minh và tính toán. - Rèn vẽ hình, phân tích tìm tòi lời giải và trình bày	Trên lớp	

				bài giải, chuẩn bị để kiểm tra HKI			
18	32	Kiểm tra kỳ I	1. Ổn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	- Củng cố các kiến thức của chương I và II Rèn ý thức tự giác, tự lập cho học sinh. - Kiểm tra được kỹ năng vận dụng các phương pháp vào giải các BT	Trên lớp * Đề thi SGD ra		
	33	Trả bài kiểm tra học kỳ I.	1. Nhận xét và đánh giá chung tình hình tiếp thu bài của lớp (Tuyên dương và phê bình) 2. Sửa chữa bài kiểm tra 3. Nêu những lỗi thường mắc phải 4. Rút kinh nghiệm cho học sinh thường sai	- HS được củng cố kiến thức thông qua bài kiểm tra Học kỳ I. Được biết kết quả kiểm tra của mình khi GV thông qua điểm số. GV qua bài học này sẽ yêu cầu HS cần phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm về kiến thức, kỹ năng và tư duy toàn khi thực hiện bài tập.	Trên lớp		
HỌC KÌ II							
19	34	Vị trí tương đối của hai đường tròn	Bài 7	1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn 2. Tính chất đường nối tâm	- HS nắm được ba vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất của hai đường tròn tiếp xúc nhau, hai đường tròn cắt nhau ,và các hệ thức liên hệ - Biết vận dụng tính chất, hệ thức liên hệ của hai đường tròn cắt nhau, tiếp xúc nhau vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	Lưu ý: §7 và §8 ghép thành 01 bài Trên lớp
	35		Bài 8	3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính 4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn			
20	36		LT	1. Nhắc lại kiến thức			

				2. Áp dụng			
CHƯƠNG III: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN							
	37	Bài 1: Góc ở tâm. Số đo cung	1. Góc ở tâm 2. Số đo cung 3. So sánh cung 4. Khi nào $sđAB = sđAC + sđCB$ 5. Áp dụng giải BT 1,2	- HS nhận biết được góc ở tâm, chỉ ra hai cung tương ứng, chỉ ra cung bị chắn. HS nắm được mối quan hệ số đo cung bị chắn với số đo của góc ở tâm. - Rèn luyện kỹ năng đo góc ở tâm, xác định đúng số đo góc ở tâm, so sánh các góc ở tâm, các cung bị chắn..	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học		
21	38	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức 2. Giải các BT 4,5,6,7	- Vận dụng kiến thức về góc ở tâm liên hệ với số đo cung bị chắn để tính toán so sánh số đo các góc, số đo các cung. Nắm được định lý cộng hai cung và so sánh hai cung. - Biết so sánh hai cung, hiểu và vận dụng định lý cộng hai cung và có kỹ năng tính toán trong thực hành giải toán. HS có kỹ năng đo, vẽ, suy luận logic	Trên lớp		
	39	Bài 2: Liên hệ giữa cung và dây.	1. Định lý 1 2. Định lý 2 3. Áp dụng Giải BT 11,12,13	- HS nắm được mối liên hệ giữa cung và dây thông qua định lý 1, định lý 2, phát biểu được hai nội dung định lý, chứng minh được định lý 1. Hiểu và sử dụng được cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. HS hiểu được vì sao định lý 1, 2 chỉ phát biểu đối với các cung nhỏ trong một đường tròn hay trong hai đường tròn bằng nhau, - Vận dụng được nội dung định lý 1, 2 vào giải các	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học		

				bài tập liên quan, so sánh độ lớn các góc, các cung, các dây....giải một số dạng toán liên quan, nâng cao.		
22	40	Bài 3: Góc nội tiếp	1. Định nghĩa 2. Định lí 3. Hệ quả 5. Áp dụng Giải BT 15,16	- HS nhận biết được góc nội tiếp trên một đường tròn và hiểu được định lý số đo góc nội tiếp.Nhận biết và chứng minh các hệ quả của định lý góc nội tiếp. - Rèn kĩ năng vẽ hình, nhận biết được nhờ vận dụng định nghĩa vận dụng số đo góc ở tâm, định lý cộng cung.Giải được các bài tập liên quan cơ bản và nâng cao.		
	41	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng giải các BT 20,21,22,23	- củng cố về định nghĩa góc nội tiếp, định lý liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn từ đó rút ra được hệ quả. - Rèn kĩ năng vận dụng các kiến thức về liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn và các hệ quả của nó vào giải một số dạng toán .	Trên lớp	
23	42	Bài 4: Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	1. Khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung 2. Định lí 3. Hệ quả 4. Áp dụng : Giải BT 27,30	- HS nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, hiểu được định lý về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung . - HS chứng minh được định lý về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, biết áp dụng định lý vào giải bài tập .	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	

	43	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng Giải các BT 31,32,33,34	- Củng cố định nghĩa và các tính chất về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. - Rèn HS kỹ năng chứng minh hai góc bằng nhau, hai cung bằng nhau	Trên lớp	
24	44	Bài 5: Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	1. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn 2. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn 3. Áp dụng Giải BT 36,38	- HS phát biểu và chứng minh được các định lý về góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. - Vận dụng các định lý để chứng minh quan hệ bằng nhau của hai góc, các cung.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	
	45	Luyện tập	1. Luyện tập 2. Phát đề bài	- HS nhận biết góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn . HS nhận biết mối quan hệ giữa số đo góc và số cung - Rèn kỹ năng áp dụng các định lý về số đo của góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn giải một số bài tập .	Trên lớp	<i>Lưu ý: Nhiều đề bài có độ khó, dễ như nhau</i>
25	46	Bài 6: Cung chứa góc	1. Bài toán quỹ tích “Cung chứa góc” 2. Cách giải bài toán quỹ tích 3. Áp dụng	- Hiểu cách chứng minh thuận, đảo và kết luận quỹ tích cung chứa góc. Đặc biệt là quỹ tích cung chứa góc 90° , biết sử dụng thuật ngữ cung chứa góc dựng trên một đoạn thẳng . - Biết vẽ cung chứa góc dựng trên đoạn thẳng cho trước, biết giải bài toán quỹ tích gồm phần thuận,	<i>Lưu ý: Không yêu cầu học sinh thực hiện ?2. Không yêu cầu học chứng minh phần a, b.</i>	

				phần đảo và kết luận .		
	47	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức 2. Áp dụng giải BT 48,49,50,51	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu quỹ tích cung chứa góc, biết vận dụng mệnh đề thuận, đảo của quỹ tích này để giải toán. - Rèn HS kĩ năng dựng cung chứa góc và biết áp dụng cung chứa góc vào bài toán dựng hình và toán quỹ tích. Biết trình bày bài giải một bài toán quỹ tích gồm phần thuận, phần đảo và kết luận. 	Trên lớp	
26	48	Bài 7: Tứ giác nội tiếp	1. Khái niệm về tứ giác nội tiếp 2. Định lí 3. Định lí đảo 4. Áp dụng giải BT : Nhận biết một tứ giác nội tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - HS nắm vững định nghĩa tứ giác nội tiếp, tính chất về góc của tứ giác nội tiếp; biết rằng có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kì đường tròn nào. - Sử dụng tính chất của tứ giác nội tiếp vào làm toán và thực hành. 	Trên lớp	<i>Lưu ý: Không yêu cầu chứng minh định lí đảo</i>
	49	Luyện tập.	1. Nhắc lại kiến thức : chứng minh một tứ giác nội tiếp sử dụng định lí tổng hai góc đối bằng 180° 2. Áp dụng giải BT 55.56.57	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu định lý đảo và các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp - Biết các hình đặc biệt như hình chữ nhật, hình vuông, hình thang cân nội tiếp được đường tròn -Củng cố và khắc sâu định lý về tứ giác nội tiếp và các dấu hiệu các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp - Rèn luyện kỹ năng vận dụng các tính chất của tứ giác nội tiếp vào bài tập tính góc trong tứ giác tứ giác nội tiếp, vận dụng dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp chứng minh tứ giác nội tiếp và các dạng toán liên quan. 		

27	50	Ôn tập giữa kì	1. Ôn lại các kiến thức: - Các góc với đường tròn - Công thức tính các góc 2. Giải bài tập - Bài tập trắc nghiệm - Bài tập tự luận	HS được ôn tập, hệ thống hoá kiến thức về số đo cung, liên hệ giữa cung, dây và đường kính, các loại góc với đường tròn, Vận dụng các kiến thức vào việc giải bài tập về tính toán các đại lượng liên quan tới đường tròn, hình tròn.		
	51	Kiểm tra giữa kỳ II	1. Ổn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	- Kiểm tra về Số đo các góc và số đo các cung bị chắn trong một đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau - Thiết lập được quan hệ số đo góc – dây – số đo cung - Vận dụng một cách linh hoạt công thức tính số đo góc và số đo cung		
28	52	Bài 8: Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp	1. Định nghĩa 2. Định lí 3. Áp dụng Giải BT 61,62,63,64	- HS hiểu được định nghĩa, khái niệm và tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác. Biết được bất kì đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, một và chỉ một đường tròn nội tiếp. -Nắm được công thức tính độ dài cạnh: Tam giác đều, cạnh hình vuông, cạnh của lục giác đều khi các đa giác này nội tiếp đường tròn - Biết vẽ tâm của đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước. Tính được cạnh a theo R và ngược lại tính được R theo a của tam giác đều, hình	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	

				vuông, lục giác đều .		
	53	Bài 9: Độ dài đường tròn, cung tròn	1. Công thức tính độ dài đường tròn 2. Công thức tính độ dài cung tròn 3. Áp dụng Giải BT 65,66,67	- HS nhớ công thức tính độ dài đường tròn $C = 2\pi R$ (hoặc $C = \pi d$), biết số pi (π) là gì. - Rèn kĩ năng vận dụng các công thức $C = 2\pi R$, $C = \pi d$ vào tính các đại lượng chưa biết của công thức để giải một số bài toán thực tế.	Trên lớp	<i>Lưu ý:</i> Không yêu cầu học sinh làm ?1 (Không kiểm tra, đánh giá)
29	54	Luyện tập	1. Nhắc lại kiến thức công thức tính độ dài cung tròn liên quan đến góc ở tâm 2. Giải các BT 70,72,74,75	- Nhớ công thức tính độ dài cung tròn n° là $l = \frac{\pi R n}{180}$. Củng cố các công thức về độ dài đường tròn. - Vận dụng thành thạo các công thức $C = 2\pi R$, $C = \pi d$, $\frac{\pi R n}{180}$ vào tính các đại lượng chưa biết của các công thức và vận dụng để giải một số bài toán thực tế.	Trên lớp	
	55	Bài 10: Diện tích hình tròn, hình quạt tròn.	1. Công thức tính diện tích hình tròn 2. Công thức tính diện tích hình quạt tròn 3. Áp dụng : Giải BT 77,78,79,80,81	- HS nắm được công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi R^2$ - HS nắm được công thức tính diện tích hình quạt tròn của cung n° là $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$ hay $S = \frac{l.R}{2}$ - HS biết cách tính diện tích hình tròn vận dụng các công thức này vào giải các bài toán có liên quan, học sinh được giới thiệu khái niệm hình vành khăn và cách tính diện tích các hình đó.	Trên lớp Phương pháp nêu vấn đề + phương pháp nhiên cứu bài học	

30	56	Luyện tập.	1. Nhắc lại công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn và công thức suy ra liên qua đến các đại lượng R, ℓ, n, s ,	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được công thức tính diện tích hình quạt tròn của cung n° là $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$ hay $S = \frac{l.R}{2}$, tìm hiểu về các đường cong chấp nối. - Rèn HS kĩ năng vận dụng các công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn vào giải toán, kĩ năng vẽ các đường cong chấp nối, học sinh được giới thiệu khái niệm hình viên phân cách tính diện tích các hình đó. 	Trên lớp	
	57	Ôn tập chương III	Hoàn thành sơ đồ tư duy Giải bài tập trắc nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - HS được ôn tập, hệ thống hoá kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung, dây và đường kính, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn - Vận dụng các kiến thức vào việc giải bài tập về tính toán các đại lượng liên quan tới đường tròn, hình tròn. 		
31	58	Ôn tập chương III	1. Tóm tắt kiến thức cần nhớ và các ví dụ minh họa 2. Giải các BT 89,90,91,92, 94,94	<ul style="list-style-type: none"> - HS được ôn tập, hệ thống hoá kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung, dây và đường kính, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn - Vận dụng các kiến thức vào việc giải bài tập về tính toán các đại lượng liên quan tới đường tròn, 	Lưu ý: Không yêu cầu học sinh làm BT 99 (Không kiểm tra, đánh giá)	

				hình tròn.	
CHƯƠNG IV: HÌNH TRỤ - HÌNH NÓN – HÌNH					
	59	Bài 1: Hình trụ-Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	1. Hình trụ 2. Cắt hình trụ bởi một mặt phẳng	- HS nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình trụ (đáy của hình trụ, trục, mặt xung quanh, đường sinh, độ dài đường cao, mặt cắt khi nó song song với trục hoặc song song với đáy)	Trên lớp Có hình động minh họa
32	60	Bài 1: Hình trụ-Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	3. Diện tích xung quanh hình trụ 4. Thể tích hình trụ 5. Áp dụng giải BT 1,3,5	- HS nhớ lại và khắc sâu công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ. - HS biết sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ.	Trên lớp Có hình động minh họa
	61	Luyện tập.	1. Nhắc lại các công thức tính 2. Áp dụng giải các bài tập 10,11,12,13,14	- Thông qua bài tập HS hiểu kĩ hơn các khái niệm về hình trụ và củng cố các công thức về diện tích và thể tích hình trụ . - HS luyện kĩ năng phân tích đề bài, áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích hình trụ cùng các công thức suy diễn của chúng .	Trên lớp
	62	Bài 2: Hình nón – Hình nón cụt – Diện tích xung quanh và thể tích của	1. Hình nón 2. Diện tích xung quanh hình nón	- HS nắm được các khái niệm về hình nón: đáy, mặt xung quanh, đường sinh, đường cao của hình nón.	Trên lớp Có hình động minh họa

		<i>hình nón, hình nón cụt.</i>				
33	63	Bài 2: Hình nón – Hình nón cụt – Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt.(tt)	3. Thể tích hình nón 4. Hình nón cụt 5. Diện tích xung quanh và thể tích hình nón cụt	- HS nắm được các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón - Sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón thành thạo	Trên lớp <i>Có hình động minh họa</i>	
	64	Luyện tập.	1. Nhắc lại các công thức 2. Giải các BT 23.24.25,26,27,28	- HS nắm được các khái niệm về hình nón cụt, công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình nón cụt - Sử dụng thành thạo các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón, hình nón cụt để giải các bài tập liên quan.	Trên lớp	
	65	Bài 3: Hình cầu – Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu.	1. Hình cầu 2. Cắt hình cầu bởi một mặt phẳng 3, Diện tích mặt cầu 4. Thể tích hình cầu	- HS nắm các khái niệm về hình cầu: tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. HS hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn. - HS biết sử dụng công thức tính diện tích mặt cầu và vận dụng vào thực tế đời sống.	Trên lớp Có hình động minh họa	<i>Lưu ý:</i> <i>Không yêu cầu học sinh làm BT 36,37</i> (Không kiểm tra, đánh giá)
	66	Ôn tập chương IV	1. nhắc lại các công thức tính 2. Áp dụng : Giải BT	- Hệ thống hóa các kiến thức về hình trụ, hình nón, hình cầu.	<i>Lưu ý: Không yêu cầu học sinh làm 44</i> (Không kiểm tra,	

34			34,35	- Rèn kĩ vẽ hình không gian, kĩ năng áp dụng công thức vào giải toán ...	đánh giá)	
	67	Ôn tập học kì II	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập	- Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Rèn kĩ năng giải bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận về toán có liên quan đến đường tròn.	Trên lớp	
	68	Ôn tập học kì II	1. Giải đáp thắc mắt đề cương đã ra ôn tập	- Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Rèn kĩ năng giải bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận về toán có liên quan đến đường tròn.	Trên lớp	
35	69	Kiểm tra cuối kì II	1. Ổn định lớp 2. Phát đề bài 3. Thu bài và dặn dò cho tiết học sau	- Cùng cố các kiến thức của chương III và IV Rèn ý thức tự giác, tự lập cho học sinh. - Kiểm tra được kỹ năng vận dụng các phương pháp vào giải các BT	Trên lớp Đề PGD ra	
	70	Trả bài kiểm tra cuối kì II	1. Nhận xét và đánh giá chung tình hình tiếp thu bài của lớp (Phê bình và tuyên dương)	- Nắm lại kiến thức chương I và II qua bài tập đã kiểm tra - Vận dụng kiến thức vào giải toán và nắm được các dạng toán . Rèn luyện cách phân tích vẽ hình và trình bày lời giải	Trên lớp	

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2.3 Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Lớp 6 :

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy)
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy)
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy)
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo	Viết (trên giấy)

			dục và Đào tạo ban hành	
--	--	--	-------------------------	--

Lớp 7 :

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 10	- Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 1 đến tuần 10	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 17	- Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 1 đến tuần 18.	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 26	- Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 19 đến tuần 26.	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	- Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 19 đến tuần 35	Viết trên giấy

Lớp 8 :

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra,	Thời	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
---------------	------	-----------	-----------------	-----------

đánh giá	gian			
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức và Tứ giác – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Đa thức và Tứ giác – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn 	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn 	Trắc nghiệm và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn 	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì II – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì II – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn 	Trắc nghiệm và Tự luận

Lớp 9 :

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	<ul style="list-style-type: none">– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương căn bậc hai , căn bậc ba và hệ thức lượng trong tam giác vuông .– Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương căn bậc hai , căn bậc ba và hệ thức lượng trong tam giác vuông .– Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none">– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I– Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I– Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26	<ul style="list-style-type: none">– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương hệ phương trình và đường tròn ‘– Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương chương hệ phương trình và đường tròn ‘– Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none">– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì II– Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì II– Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và	Trắc nghiệm và Tự luận

			các vấn đề thực tiễn	
--	--	--	----------------------	--

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ):

1/ Ngoại khóa :

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Giao lưu tập thể: “RUNG CHUÔNG VÀNG: Toán học và thực tiễn”	- Hiểu được vai trò của toán học đối với thực tiễn. - Giải quyết được một số tình huống trong thực tiễn bằng kiến thức toán học hiện có.	3	Tuần 28	Hội trường	GV Toán 6	GVCN 6 và các GV của tổ	Máy chiếu Bảng phụ Phiếu câu hỏi và trả lời.

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.
- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.

- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi theo kế hoạch của nhà trường
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức bồi dưỡng cho đội tuyển từ kết quả kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi khối 7 năm học 2022 – 2023.

3. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.
- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

TỔ TRƯỞNG

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU



LÊ BÁ DŨNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Bích Ngọc